

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HIGH POINT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HIGH POINT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIGH POINT INVESTMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HIGH POINT IAT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109332155

3. Ngày thành lập: 04/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

CC3 Khu đô thị Thạch Bàn , Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963392596

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản biển	0321
2.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản nội địa	0322
3.	Khai thác và thu gom than non	0520
4.	Khai thác dầu thô	0610
5.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
6.	Khai thác quặng sắt	0710
7.	Khai thác muối	0893
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
11.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
12.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
14.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
15.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
16.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513

21.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
24.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
25.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4511
31.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4513
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4530
33.	Bán mô tô, xe máy Trừ hoạt động đấu giá	4541
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Trừ hoạt động đấu giá	4543
35.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
36.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
37.	Bán buôn thực phẩm	4632
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
40.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
41.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Không bao gồm dược phẩm và dụng cụ y tế.	4649
42.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
43.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
45.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ Vàng	4662
47.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
49.	Bán buôn tổng hợp Trừ vàng, súng đạn, tem, tiền kim khí	4690
50.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Không bao gồm dược phẩm, dụng cụ y tế.	4772

51.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
52.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
53.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
55.	Vận tải đường ống	4940
56.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
57.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
60.	Bốc xếp hàng hóa	5224
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
62.	Bưu chính	5310
63.	Dịch vụ đóng gói	8292
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
65.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
67.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
68.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
69.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005).	8299
73.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
74.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
75.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc (trừ cho thuê lao động)	7810
76.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
80.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không bao gồm đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820

81.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
82.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
83.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
84.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Hoạt động của các trung tâm thể dục, thể hình	9311
85.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
86.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
87.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ hoạt động đấu giá	4774
88.	Xây dựng nhà để ở	4101
89.	Xây dựng nhà không để ở	4102
90.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
91.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
92.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
93.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
94.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
95.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
96.	Xây dựng công trình điện	4221
97.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
98.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...); - Dạy thể thao, cắm trại; - Hướng dẫn cổ vũ; - Dạy thể dục; - Dạy cưỡi ngựa; - Dạy bơi; - Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp; - Dạy võ thuật; - Dạy chơi bài; - Dạy yoga.	8551(Chính)

99.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao Chi tiết: - Sản xuất các chi tiết và thiết bị cho thể thao, cho các cuộc thi đấu trong nhà và ngoài trời, bằng mọi loại chất liệu như: + Bóng cứng, mềm và bóng cao su, + Vợt, gậy đánh gôn, + Ván trượt tuyết, sào, cọc chèo thuyền, + Thuyền buồm, thuyền lướt sóng, + Dụng cụ cần thiết cho câu cá, bao gồm cả lưới, + Dụng cụ cần thiết cho săn bắn, leo núi... + Găng tay da thể thao và mũ thể thao, + Giày trượt băng... + Cung, nỏ, + Phòng tập thể dục, thể hình hoặc thiết bị điện kinh.	3230
100.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
101.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
102.	Xây dựng công trình thủy	4291
103.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
104.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
105.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
106.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
107.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
108.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
109.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm các hoạt động đấu giá)	4610
110.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
111.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
112.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
113.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
114.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
115.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
116.	Khai thác gỗ	0220
117.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
118.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
119.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
120.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231

121.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
122.	Hoạt động thể thao khác	9319
123.	Trồng cây hàng năm khác	0119
124.	Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CHÍ HIẾU	P32 Nhà B Tầng 3 TT NMTLTL, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	001081007258	
2	NGUYỄN HUYỀN CHI	18 ngách 143/20 Phố Chợ- Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	001082015178	
3	NGUYỄN THẾ TRUNG	Số 34 Yết Kiêu , Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	001077000885	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CHÍ HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001081007258

Ngày cấp: 15/05/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P32 Nhà B Tầng 3 TT NMTLTL, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P32 Nhà B Tầng 3 TT NMTLTL, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội